TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 28 - 03 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên và ông Lương Văn Định

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/HSST ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15A/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/HSST-QĐ ngày 01/3/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên**: Nguyễn Văn T,** sinh năm 1986 tại tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: thôn M, xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1956; vợ là Lâm Thị N, sinh năm 1990; có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo không bị giam giữ, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

+ Công ty TNHH vận tải G

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1978, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T có giấy phép lái xe ô tô hạng C từ năm 2021, do có nhu cầu muốn lái xe ô tô thuê cho các công ty xe khách nhưng các công ty yêu cầu phải có giấy phép lái xe ô tô hạng E theo quy định nên T nảy sinh ý định đặt mua giấy phép lái xe ô tô hạng E để sử dụng xin việc và xuất trình khi bị Công an kiểm tra. Khoảng đầu năm 2023, Tứ lên mạng xã hội Facebook liên hệ với 01 người đàn ông không quen biết đặt làm giả 01 giấy phép lái xe hạng E, Từ và người đàn ông này thỏa thuận giá làm giả giấy phép lái xe hạng E là 2.000.000đ, sau đó T gửi thông tin tên, tuổi và địa chỉ của T cho người đàn ông này. Khoảng 02 tuần sau thì người đàn ông này đem cho T 01 giấy phép lái xe ô tô, T kiểm tra thì thấy đây là giấy phép lái xe ô tô hạng E, số 240209007723 mang tên Nguyễn Văn T do Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp nên đã trả cho người này 2.000.000đ. Sau khi mua được giấy phép lái xe ô tô hạng E, T xin vào làm phụ xe ô tô cho anh Nguyễn Văn L là lái xe của Công ty TNHH Vận tải G (lấy tên là nhà xe "A") do anh Nguyễn Văn A là Giám đốc công ty. Ngày 16/9/2023, anh L có việc bận không lái xe được và trước đó T nói với anh L là có giấy phép lái xe ô tô hạng E nên anh L đã thuê T điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu DaeWoo, màu sơn đỏ - đen – trắng, biển kiểm soát 98F-001.15, loại xe chở đến 46 chỗ ngồi để đưa đón công nhân đi làm từ huyện Lục Ngạn đến khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên với giá thỏa thuận 400.000đ/ 1 ngày. Sau đó, anh L đã nói lại việc này cho anh An biết, do trước đó anh An kiểm tra thì T đưa cho anh A xem 01 giấy phép lái xe ô tô hạng E mang tên T nên anh A đồng ý. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/9/2023, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98F-001.15 đưa công nhân đi theo đường tỉnh lộ 293 để đến khu Công nghiệp Vân Trung, khi đi đến Km 7 + 400m tỉnh lộ 293 thuộc địa phận thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng thì tổ công tác của Đội Cảnh sát giao thông – Trật tự Công an huyện Yên Dũng dừng xe để kiểm tra nồng độ cồn. Kết quả T vi phạm nồng độ cồn ở mức 0,284mg/lit nên đã xuất trình 01 giấy phép lái xe ô tô hạng E mà T đã đặt mua trên mạng trước đó. Tổ tuần tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành xác

minh nhanh trên hệ thống cấp giấy phép ô tô của Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang thì không thấy có thông tin về giấy phép lái xe ô tô hạng E của Nguyễn Văn T nên đã tiến hành lập biên bản tạm giữ: 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98F-001.15; 01 giấy phép lái xe hạng E có số 240209007723 mang tên Nguyễn Văn T.

Ngày 26/9/2023, Đội Cảnh sát giao thông – Trật tự Công an huyện Yên Dũng đã bàn giao toàn bộ tài liệu, hồ sơ, tạng vật đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng để điều tra theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận: 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98F-001.15 là xe ô tô của Công ty TNHH Vận tải Giang Thư do anh Nguyễn Văn L giao cho Tứ điều khiển; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng E có số 240209007723 mang tên Nguyễn Văn T xuất trình khi Công an kiểm tra là giấy phép lái xe giả do Tứ đặt mua trên mạng.

Theo kết quả xác minh, tra cứu tại Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang xác định: Nguyễn Văn T đã được Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp giấy phép lái xe ô tô hạng C từ năm 2021, hạn đến năm 2026. Tứ chưa được cấp giấy phép lái xe ô tô hạng E.

Tại bản kết luận giám định số 1983/KL-KTHS ngày 18/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: 01 "Giấy phép lái xe" số 240209007723, hạng E, mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 ở X. Phì Điền, H. Lục Ngạn, T. Bắc Giang **là giả.**

Vật chứng của vụ án: Ngày 24/10/2023, cơ quan điều tra đã trả cho Công ty TNHH vận tải G do anh Nguyễn Văn A là Giám đốc đại diện 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98F-001.15. Còn 01 "Giấy phép lái xe" số 240209007723, hạng E, mang tên Nguyễn Văn T được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSYD ngày 02/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xác định việc bị truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo đã được anh L trả công lái xe cho hai

ngày 17 và ngày 18/9/2023 là 800.000đ, còn ngày 19/9/2023 anh L chưa trả công cho bị cáo do hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của bị cáo T, anh là lái xe thời vụ của Công ty TNHH vận tải G và được công ty giao lái chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98F - 00.115. Do gia đình có công việc bận nên anh thuê bị cáo T lái xe chở công nhân hộ anh trong các ngày từ ngày 17 đến ngày 19/9/2023 với giá thỏa thuận là 400.000đ/1 ngày. Anh xác định đã trả công cho bị cáo T hai ngày lái xe (ngày 17 và 18/9/2023) là 800.000đ, còn ngày 19/9/2023 anh chưa trả tiền công cho bị cáo.

Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Quang cho UBND xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo thu lời bất chính là 800.000đồng.

Đối với chiếc xe 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO, màu sơn đỏ - đen - trắng, biển kiểm soát 98F-001.15 (xe đã qua sử dụng) là xe ô tô của Công ty TNHH Vận tải G, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với 01 "Giấy phép lái xe" số 240209007723, hạng E, mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 ở X. Phì Điền, H. Lục Ngạn, T. Bắc Giang là giả được niêm phong dán kín có hình dấu tròn của Công an huyện Yên Dũng, chữ ký của Nguyễn Văn T là chứng cứ vụ án nên lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì về tội danh cũng như hình phạt. Anh L không có ý kiến tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa xét xử vụ án, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 19 giờ 30 phút ngày 19/9/2023, tại KM 7+400M tỉnh lộ 293 thuộc địa phận thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Nguyễn Văn T có hành vi sử dụng 01 giấy phép lái xe ô tô hạng E số 240209007723 mang tên Nguyễn Văn T mua được của một người không quen biết để điều khiển chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98F- 001.15, loại xe 46 chỗ ngồi thì bị tổ tuần tra kiểm soát của đội Cảnh

sát giao thông – Trật tự Công an huyện Yên Dũng kiểm tra, do vi phạm nồng độ cồn nên T đã xuất trình giấy phép lái xe này cho tổ tuần tra. Tiến hành xác minh nhanh trên hệ thống cấp giấy phép ô tô của Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang thì không thấy có thông tin về giấy phép lái xe ô tô hạng E của Nguyễn Văn T nên đã tiến hành lập biên bản tạm giữ: 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98F-001.15; 01 giấy phép lái xe hạng E có số 240209007723 mang tên Nguyễn Văn T. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận giấy phép lái xe ô tô hạng E có số 240209007723 mang tên Nguyễn Văn T là giả.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến các vụ tai nạn giao thông, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan nhà nước trong quản lý hành chính nhà nước, gây dư luận xấu và bất bình trong quần chúng nhân dân nên đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 15/CT-VKSYD ngày 02/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, đã có ý thức tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính tại thi hành án. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự với một mức án nghiêm khắc mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu hướng

dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thấy bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước và pháp luật, Hội đồng xét xử thấy không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật và đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật. Do vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng :

Đối với chiếc xe 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO, màu sơn đỏ - đen - trắng, biển kiểm soát 98F-001.15 (xe đã qua sử dụng) là xe ô tô của Công ty TNHH Vận tải G do anh Nguyễn Văn L giao cho Tứ điều khiển đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu. Đây là tài sản của TNHH Vận tải G không liên quan đến hành vi phạm tội. Xét thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 800.000đồng, T có được do phạm tội mà có. Do vậy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 “Giấy phép lái xe” số 240209007723, hạng E, mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 ở X. Phì Điền, H. Lục Ngạn, T. Bắc Giang là giả được niêm phong dán kín có hình dấu tròn của Công an huyện Yên Dũng, chữ ký của Nguyễn Văn T là chứng cứ của vụ án nên lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[7] Đối với người đàn ông bán giấy phép lái xe ô tô hạng E là giả cho Tứ, Tứ khai không biết tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn L có hành vi giao xe cho tứ và được T nói cho biết Tứ có giấy phép lái xe ô tô hạng E. Khi giao xe cho T, anh L đã báo lại phía công ty và đã được anh A là Giám đốc công ty kiểm tra giấy phép lái xe của T, do vậy anh L tin tưởng giấy phép lái xe hạng E của T là được cơ quan có thẩm quyền cấp nên giao xe cho T. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên

Dũng không xử lý anh Nguyễn Văn L về hành vi "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ" là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Văn A đồng ý cho T điều khiển xe ô tô của công ty, anh An đã kiểm tra giấy phép lái xe ô tô hạng E của T nhưng không biết giấy phép lái xe ô tô T sử dụng là giả nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tạ án.

[9] Ngoài ra cần áp dụng quy định tại Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/03/2024). Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Luật thì hành án hình sự.

2. Vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 800.000đồng (*Tám trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 800.000đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng theo biên lai thu tiền số 0000470 ngày 22/3/2024. Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp đủ.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã P, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thủy